

GIỮ THƠM QUÊ MẸ

TẬP SAN VĂN NGHỆ
LÁ BỐI XUẤT BẢN

9

LƯU NGHI • SƠN NAM • CHINH BA • HẠNH LINH
HỒ HỮU TƯỜNG • DƯƠNG XUÂN • TÚ HỒNG
MINH DŨNG • NGÔ THỊ SƯƠNG • ĐOÀN MINH HẢI
VĂN LỆ THIÊN • CHINH VĂN • ERSKINE KALDWELL
VƯƠNG PÈN LIÊM • CHÍN • NHẤT HẠNH • TRỤ VŨ



GIỮ' THƠ'M QUÊ MẸ

Tạp chí văn nghệ * Lá Bối xuất bản

Coi sóc : TRỤ VŨ

2	Minh Dũng	Nỗi lòng Âu Cơ — Giấc mơ
3 — 4	Trụ Vũ	Đàn kiến khuya
5	Ngô thị Sương	Ngoại ô
6 — 7	Hạnh Linh N.V.P	Chuyện một loài chim
8	Đoàn Minh Hải	Con sông Thu Bồn
9 — 11	Chinh Văn	Tiếng đêm
12 — 16	Lưu Nghi	Được như chúng nó
17 — 22	Sơn Nam	Ngày hội tháng giêng ở Saigon
23 — 27	Văn Lệ Thiên	Lý do
28 — 30	Dương Xuân	Tháp Phù Ngọc
31 — 40	Chinh Ba	Bí
41 — 45	Hồ Hữu Tường	Ngôn vô từ
46 — 50	Tư Hồng	Đính chính một vài sai lầm
51 — 55	Trụ Vũ	Mùa xuân bắt cá
56 — 60	Nhất Hạnh	Nói với tuổi hai mươi
61 — 78	Erskine Kaldwell	Khi em nghĩ đến tôi
79 — 86	Vương Pên Liêm	Giáo dục quần chúng tại Việt Nam
87 — 90	Chín	Viết liền
91 — 101	Nhất Hạnh	Nẻo về của ý

Số 9 tháng 3 năm 1966

nỗi lòng âu cơ

bàn chân giao chỉ em đây
bước qua vũng lạnh hồn này gió theo
năm mươi con đứng trên đèo
năm mươi tay vẫy ngón chào nước lên
lòng buồn núi cũng rộng thêm
thôi miền khe đá nhớ tên gọi về
một trăm tim nhớ người đi
ngàn sông nước lớn trôi gì ở trên
mẹ còn tay vẫy trong đêm
rừng già lá quét lưng rên rĩ sầu

thưa người mẹ sống bao lâu
đàn con đói lạnh ở đâu hết rồi

MINH DŨNG

giấc mơ

Giấc mơ nhỏ bé vô cùng
Một gian nhà nhỏ, ba vồng khoai lang
Thế thôi mà lạy mười phương
Hai mươi năm lẻ chưa tròn giấc mơ

TRỤ VŨ

đàn kiến khuya

những con kiến và tôi
làm việc trong đêm vắng
kiến tha mồi về tổ
tôi tha nhật nguyệt về thơ

kiến tha mồi xây sự sống cho đàn
tôi làm thơ xây sự sống cho em

trong đêm vắng nhiệm màu
— giữa lúc ra đi ô trời bài cuồng loạn
mà tôi không nghe — chỉ có nhiệm màu
trong khi thế gian đều ngủ cả
chỉ có kiến và tôi

những con kiến Việt Nam !
ba mươi năm xưa, thằng bé là tôi thường chơi bên đàn kiến
xung quanh chúng tôi là vũ trụ
là suối là hoa
những con kiến đi hành hương trên muôn dặm đường xa
hồn tôi theo kiến hành hương về vũ trụ

thửa lên năm lên mười
tôi thường theo kiến đi chơi
nhớ giải nước trong sầm uất bờ mây
sức sống dạt dào
nở từng bông hoa súng trắng

những tấm lá tre trôi về vô định
bước kiến đi : khúc nhạc muôn đời

tôi theo kiến thừa lên năm lên mười
thừa mười lăm mười tám
uống giọt sương trong cành trúc quê hương
những lá xoài ban trưa
thế giới bình yên
ấn độ

những ông sai vàng những con kiến nhỏ
nơi miền Trấn quốc hoang sơ

kiến với tôi thân ái tự bao giờ
tiềm thức ân tình kết chặt
lịch sử Việt Nam trên ngàn đản gỗ
đáy nước trong con cá vẩy vùng

kiến ơi, đến tự bao giờ
tiếng ru lòng mẹ, ngọn cờ tổ tiên

tôi nhớ bài thơ con kiến
tình đoàn kết, nghĩa cần lao
chúng ta cùng sống trong lòng mẹ
kiến với tôi, tình nghĩa sít sao

đêm hôm nay, bên ngọn nến trung thành
ngoài kia trời đen tối quá
mọi vật quanh tôi đều ngủ cả
nhưng còn kiến thức với tôi đây

nghĩa là tôi còn tất cả

4-9-65

TRỤ VŨ

ngoại ô

« Người ấy tên là Nguyễn Lê Xuân »

Chị bảo đôi mắt anh rất buồn
Người ấy bây giờ không còn nữa
Ngoại ô một mình chị ôm con
Đứa trẻ sinh ra đôi mắt buồn
Đôi mắt rất hiền như cha nó
Một mình chị nhìn con đặt tên
Thành phố màu vàng như da chị
Ngõ hẻm màu đen như tóc con

Người ấy bây giờ không vịn thành cầu
Người ấy bây giờ không huýt sáo
Không còn điệu thuốc đôi mắt nâu
Không còn từng đêm ôm hôn chị

Người ấy tên là Nguyễn Lê Xuân
Chị bảo lời anh rất buồn
Nửa đêm đứa trẻ ra đời khóc thét
Ngoại ô tiếng súng mắt chị vàng

Người ấy đâu rồi Nguyễn Lê Xuân
Nước mắt trên môi chị mấy lần
Ôi chiến khu nào hơi thở chị
Ôi nhớ thương nào đôi tay con

Buổi chiều chị được tin anh chết
12 giờ khuya chị sinh con

NGÔ THỊ SƯƠNG

chuyện một loài chim

Em ạ trên núi có một loài chim
Tên là chim ca cút
Mà ngày ngày đêm đêm
Người lính vượt núi vượt rừng
Rồi khi dừng chân lại
Vẫn còn nghe tiếng chim
Tiếng chim buồn thê thiết...

Nhiều khi anh thầm hỏi
Có phải vì chim cô đơn
Hay vì thương người lính cô đơn
Mà chim còn kêu mãi mãi...

Người lính già một hôm kể chuyện
Xưa chim là cô gái Thương
Yêu một chàng lính chiến tiền sơn
Chàng là lính đóng đồn
Quê hương ở miền xuôi xa thăm...

Em ạ, người lính thì thường hái măng
Nhất là những ngày mưa dầm gió buốt

Chàng lính trẻ một sáng vào rừng
Trở về lạc lối...
Bỗng có một cô gái
Mà theo chàng trai kể lại
Nàng đẹp và thanh khiết như suối ngọc lưu ly
Chàng lính chiến bỗng nhớ
Ngày xưa những cô tích thần kỳ
Chàng thầm nhủ :
Biết đâu nàng không là tiên nương ngọc nữ

(Nhưng làm gì đẹp bằng em
Hỡi cô nữ sinh thành phố)

Rồi mùa măng ấy
Tình của chàng thì nồng thắm
Của cô gái thì lạ lùng
Bởi vì có một hôm
Trong gian chòi nhỏ
Chàng đặt lên môi nàng
Ôi nụ hôn đầu tiên
(Nụ hôn đã khiến nàng
Trở nên người có tội
Với thần núi thần sông)

Em ơi kể từ đó...
Nhưng chàng là lính tiền sơn
Năm sau từ già tiền đồn về xuôi
Rừng xưa bỗng lạnh đáng người
Nẻo măng bỗng tự muôn đời hoang vu
Lá vàng đã bít lối thu
Đồn xanh đáng cỏ, bóng mù xót xa
Nai vàng đâu dẫn lối ta
Tình xưa còn đó hay là đã quên...

Rồi đến mùa măng mọc
Nàng lại phải vào rừng
Ôi nhìn măng nàng khóc
Khóc nhiều nên hóa chim
Đó là chim ca cú
Loài chim thường đêm đêm
Đánh thức người lính chiến

Có người bảo khi chim thấy lính
Chim tưởng là chàng
Có lẽ vì màu áo quân nhân
Màu áo của rừng
Mà ngày xưa chàng đã mặc

Em ơi cũng vì thế
Mà người lính vượt rừng
Cũng thấy bớt cô đơn...

Dù mưa dầm gió buốt
Dù thung lũng non cao
Nơi đâu còn dáng lính
Là còn chim bay theo...

HẠNH LINH N.V.P

con sông thu bốn

rồi em dõi mắt nhìn theo
hỏa châu cháy sáng chân đèo hôm qua
nát luống khoai, nát đậu cà
thôi giòng sông đỏ cũng nhòa máu tươi

thương con nên mẹ sống đời
trong đôi mắt đẹp rặng ngời về sau
đêm nghe súng vọng rừng sâu
như đôi con nhạn bổng sầu buông tơ

rồi em dõi mắt trông chờ
tóc đêm đen với trăng mờ ngoài hiên
lời ru con vắng ưu phiền
cũng xin gió thoảng ra miền biên cương

thương con lời mẹ thơm nồng
máu đêm qua chảy đỏ sông sau nhà
con kinh, con rạch ngoài xa
chiều nay còn thấy người ta chôn người

ĐOÀN MINH HẢI

tiếng đêm

cho dung

tôi mở mắt đi trong đêm hồng thủy
đầy phong ba, đầy rần rít, tha ma
tiếng cú rúc len vào cơn mộng mị
chân bước đi, tay bùng mặt khóc òa

tay rời rã, mười ngón dài khô héo
vội giữa trời như vội lấy bao la
trong đêm tối có tiếng gì tru tréo
ngàng nhìn ra nào rõ thú hay ma

tôi lắng im tìm trong hơi thở nhẹ
không tiếng người, chỉ có tiếng đêm thôi
tôi đứng lại soi mình trong quạnh quẽ
nước mây trôi, tôi ngồi lại bên đời

trong cô tịch, tôi nghe tôi đang hăng
rừng núi sâu vang vọng mãi lời tôi
trong xa vắng một loài chim cánh trắng
mang dư âm vào cay đắng mất rồi

tôi chẳng dám ngàng đầu trông lên nữa
rủi trời cao đất rộng biết làm sao
tôi chẳng dám chờ mong dù đốm lửa
sợ cô đơn, tôi sợ cả câu chào

úp mặt xuống, tôi bước đi thờ thần
mười ngón chân hằn trên đất bơ vơ
tay thỏng buông mười ngón sông đời dẫn
xác thân này mòn ruỗng nét hoang sơ

hai mươi tuổi — rõ ràng hai mươi tuổi
không dám xanh, tóc lấm tấm vài nơi

không dám khóc, chỉ xin cười rũ rượi
tiếng chim quen tôi gửi lại cho trời

và mây trắng nắng vàng hoa lá biếc
ôm làm sao trong những ngón tay buông
và non nước và trăng sao bất tuyệt
nở làm sao trên những khóm môi buồn

tôi thò mộ khuya về trên phố vắng
kiếp đi hoang, tôi là gió không nhà
tôi núi đá đã vụn đời câm nín
nghe hải triều ngờ ngợ giấc bao la

không biết nữa, vì đâu tôi ủy mị
cứ run hoài như chiếc lá đêm đông
không hiểu nữa, vì sao tôi rền rĩ
giọng thương đau cứ ngân mãi bên lòng

có phải mẹ đã sinh con thời nhỏ
trong ca dao tiếng vọng quá u trầm
có phải mẹ đang mờ lên xanh cỏ
mấy mươi năm vẫn quen sống âm thầm

hay tại cha đã sinh con quá vội
mớm cho con quá sớm những hờn oan
hay bão tố đã giập lên từ cội
nên lá hoa không héo cũng phai tàn

hay tại đất đã không ngừng lở lói
hay tại ngày cứ tối mãi đêm đêm
hay tại trăng cứ treo hoài không nói
nên mặt trời chang chói mãi thân em

hay tại gió vừa ghé thăm nghĩa địa
chở thêm hờn trong tiếng rít cuồng điên
hay tại mưa nghiêng dầu trên bãi chiến
nên sông đầy nước lạnh chảy triền miên

tại anh đây, chết không hề nhắm mắt
một hôm nào ngã xuống chẳng toàn thân
hay tại gió may về đau nhức chắc
nên em ôm mặt khóc giữa ban ngày

hay tại những người già không chịu chết
ra vô hoài khoảng ngổ trước vườn sau
phải đau đó từng đốt xương đã mất
ông đi tìm mong xóa bớt thương đau

thằng bé ấy xem chừng già trước tuổi
những ông già đã trở vỏ thơ ngây
những cô gái đã ôm duyên hờn tủi
những đời trai không còn biết mai ngày

●
tôi đâu biết, tôi chẳng hề hay biết
mở mắt nhìn tôi chợt thấy tôi đây
tôi đâu biết, tôi chẳng hề chém giết
mũi súng nào chợt bay khỏi trên tay

●
tôi đứng đó, giữa tháng năm hờ hững
bàn tay không lạnh ngắt gỏi bàn tay
tường ngói đỏ đứng ngồi sao cho vững
ôi tương lai, ôi thể hệ lưu đây

●
bỗng đâu đó, trong màu đêm dày đặc
có tiếng gì như tiếng lửa chân mây
nghe đâu đó từng nhịp cầu đã bắc
từng đoàn người vui trẩy hội ngày mai

●
đêm nay trời rộng sông dài
có con thuyền nhỏ chở hai đứa mình

CHINH VĂN

(Đêm Việt Nam)

lưu nghi

ĐƯỢC NHƯ CHÚNG NÓ

THĂNG lớn nhất tên là Vinh, 10 tuổi, học lớp nhất. Đứa nhỏ hơn tên là Tuấn 8 tuổi, học lớp nhì. Hai đứa nhỏ hơn nữa chừng 5 tuổi, ba tuổi. Thằng 5 tuổi mặc áo sơ mi đỏ. Đứa 3 tuổi ở trần, mặc quần treo. Cả bốn đứa ngồi trên chiếc chiếu trải trên nền gạch hoa. Ba đứa chụm đầu vào nhau sắp đồ chơi: thằng Vinh cắt giấy dày, dán thành một chiếc máy bay kiểu chở hành khách, có chong chóng, có cầu thang lên xuống. Đồ chơi của ba đứa kia là những mảnh plastic vụn xanh đỏ, trắng, vàng, có thể gắn vào một tấm carton đục lỗ.

Cả nhà đi vắng, giao mấy đứa trẻ cho người vú già. Lúc bấy giờ, người vú già rửa chén trong nhà bếp.

Bỗng một giọng nói con gái vọng lớn từ nhà vệ sinh:

— Làm sân khấu hát cải lương đi.

Đó là tiếng nói của con Lựu, con của người vú già. Con Lựu chừng sáu, bảy tuổi gì đó, đang vui chơi với mấy đứa con trai, vì “mắc cầu”, bỏ dở cuộc chơi.

Mới vào nhà vệ sinh có hai phút đồng hồ nó đã nói vọng ra như thế. Và chừng hai ba phút sau đó, con Lựu vừa cột quần vừa chạy ra nhảy vào chiếc chiếu. Nó lặp lại:

— Làm sân khấu hát cải lương đi.

Thằng Tuấn không thèm nhìn con Lựu nói lớn:

— Khoan đã. Tao đang làm nhà trường... không lo học hành gì hết; cải lương, cải lương hoài.

Thằng Vinh vừa dán cái đuôi máy bay vừa nói:

— Con Lựu đâu có đi học.

Con Lựu làm im, mở đôi mắt thật to nhìn vào tấm carton đục lỗ có những mảnh plastic xanh, đỏ, trắng, vàng. Con Lựu không đi học vì mẹ nó, người vú già không có tiền, phải đi làm thuê cho gia đình này. Nó được ở chung với mẹ nó, được chơi chung với mấy đứa trẻ con chủ nhà, đã là may mắn lắm cho nó rồi. Nó mặc cái áo cánh vá hai miếng vải đen thật lớn hai bên vai. Tóc nó xỏa xuống quanh khuôn mặt chỉ để lộ phía trước cái

cổ cao nhòng.

Thằng Tuấn vừa đặt những mảnh plastic màu vàng cách khoảng rất đều, vừa nói :

— Đây là bàn học trò. Tao ngồi chỗ này nè, gần sát cái bàn cô giáo.

Thằng mặc áo sơ mi đỏ — tên là Quang — chỉ vào mảnh plastic màu xanh, nói :

— Bàn cô giáo đây hả ? Không phải. Không có bàn cô giáo.

Thằng Tuấn mở to đôi mắt, bấu môi :

— Ê, sao không có bàn cô giáo ? Không biết gì hết,

Thằng Quang cũng mở to đôi mắt đen lánh, cãi lại :

— Cô giáo đi, đi vắng nè. Cô giáo không có bàn.

Thằng Vinh ngừng dán máy bay, xen vào :

— Trường Quang khác. Trường của anh khác.

Thằng Tuấn ngược mắt về phía thằng Vinh hỏi lớn :

— Vậy cô giáo ngồi đâu ! Đi hoài à ? Giả bộ...

Thằng Vinh cắt nghĩa :

— Trường mẫu giáo, cô giáo đâu có giảng bài. Cô giáo phải đi từng bàn bày cho mấy đứa viết chữ, tô màu. Không biết gì hết.

Thằng Tuấn tiếp tục đặt mấy mảnh plastic màu đỏ vào tấm carton. Thằng nhỏ nhất hỏi :

— Cái gì đó ?

Thằng Tuấn vừa sắp thêm mấy mảnh plastic đỏ xiêng xiêng trả lời :

— Đây là xe trường. Xe trường bị vắng nè...

Nó ngừng tay, nhìn vào mặt thằng Quang, con Lựu và thằng mặc quần treo kể chuyện :

— Trên xe trường, có một đứa mập thù lù, cao vắng nè (nó đưa một cánh tay lên quá đầu), mà học dốt lắm ! Trong lớp nó không học gì hết, cứ nói chuyện hoài, cô giáo bắt nó quỳ ngoài sân... xấu ghê...

Thằng mặc áo sơ mi đỏ bỗng nhiên đập bàn tay lên đầu nói :

— Voici... là tè... te.

Thằng Tuấn, chỉ vào lỗ mũi nó hỏi :

— Cái này là gì ?

— Le nez.

Thằng Tuấn kéo lỗ tai thằng mặc áo sơ mi đỏ lại hỏi :

— Còn cái này ?

Thằng Quang (mặc áo sơ mi đỏ) mở to đôi mắt nhìn sững rồi chớp chớp. Thằng Tuấn vừa dẫn mạnh cái tai thằng Quang vừa hỏi nữa «Cái gì ? Cái gì ?». Cái miệng thằng Quang lần lần méo xệch một bên, rồi nó òa lên khóc, nước mắt tuôn ra, nhỏ từng hột sáng. Thằng Vinh lại dừng dán máy bay, hỏi lớn :

— Gì đó ? Khóc, khóc hoài.

Thằng Quang meo mó :

— Nghỉ anh Tuấn ra. Anh Tuấn béo tai đau quá.

RỒI nó tiếp tục khóc òa lên, trong khi thằng Tuấn, con Lựu cười rần rật. Thằng nhỏ mặc quần treo không cười, không khóc, chăm chú phá vỡ cả

những khuôn plastic trên tấm carton đục lỗ. Thăng Tuấn chợt ngưng tiếng cười, cốc vào đầu đứa nhỏ :

— Sao phá hết vậy ? phá hết nhà trường rồi. Xe trường hư hết rồi.

Đứa nhỏ mặc quần treo khóc rống lên, hòa theo tiếng khóc của thằng Quang. Người vú già từ dưới bếp nói vọng lên :

— Gì đó nữa ? Khóc điếc lỗ tai quá. Khóc khô nước mắt chết bây giờ.

Con Lựu nói với thằng Tuấn :

— Làm sân khấu : hát cải lương đi.

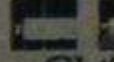
Thằng Vinh vụt đứng dậy, cầm chiếc máy bay bằng giấy chạy quanh chiếc chiếu, đưa chiếc máy bay lên xuống vừa làm tiếng vù vù và tiếng bom đạn : tạch tạch tạch... ầm ầm ầm... Thằng Tuấn kéo cả con Lựu, thằng Quang, đứa nhỏ mặc quần treo, ngã dài trên mặt chiếu, vừa nói :

— Chết đi, máy bay thả bom, chết đi, chết đi...

Con Lựu ngồi dậy, vùng vẫy :

— Tao có làm lính đâu mà máy bay bắn tao

Thằng Tuấn kéo con Lựu nằm xuống, nói tiếp :

— Mặc kệ.   Máy bay thả bom cũng chết... Chết đi...

Con Lựu cố vùng dậy :

— Tao không muốn chết. Tao không muốn chết... Làm sân khấu hát cải lương đi.

THĂNG Quang và thằng nhỏ mặc quần treo nằm im, không khóc nữa, mở mắt thật lớn nhìn theo cái máy bay bằng giấy lượn vòng theo bước chạy của thằng Vinh. Cái cánh máy bay chợt rơi xuống mặt chiếu. Thằng Vinh ngừng chạy, nói một mình :

— Chết cha. Máy bay bị bắn. Rớt cái cánh rồi.

NÓI xong, nó buông chiếc máy bay đâm chúi xuống nền gạch hoa. Nó chạy xuống bếp, lấy hộp quẹt, chạy lên, quẹt lửa đốt chiếc máy bay. Ngọn lửa cháy bùng, tỏa ánh sáng chập chờn trên 4 cặp mắt mở thao láo, sáng long lanh như những cặp mắt mèo.

Người vú già từ nhà bếp chạy lên, hét lớn :

— Trời ơi, mấy đứa bay đốt nhà hả ? Hết cách chơi rồi hả ?

Thằng mặc quần treo nói trống không :

— Máy bay bị bắn, cháy hết rồi.

Ngọn lửa yếu dần, tắt đi rất mau, để lại trên nền gạch hoa tàn giấy đen thui. Người vú già vừa quay xuống nhà bếp vừa nói lớn :

— Đừng đốt giấy nữa nghe. Cháy nhà bây giờ. Đứa nào đốt nữa bị đòn bây giờ.

Con Lựu kéo tay thằng Vinh :

— Làm sân khấu hát cải lương đi.

Thằng Vinh ngồi xuống mặt chiếu, sắp những mảnh plastic xanh đỏ trắng vàng, vừa cắt nghĩa :

— Đây là cái sân khấu, hai bên là chỗ thay quần áo. Đây là ghế cho khán giả, nhiều nhiều lắm...

Thằng Tuấn xen vào :

— Ban nhạc ngồi đâu ? Nó lấy những mảnh plastic màu đỏ đặt vào tấm carton, gắn cái khung làm sân khấu — Đây là ban nhạc... Từng tưng tưng, la la la...

Thằng Vinh tiếp tục sắp những mảnh plastic màu vào tấm carton, lăm bằm :

— Bữa nay làm đại nhạc hội Cù Léc. Thằng Tuấn vụt đứng dậy, cởi phăng

cái áo sơ mi, chỉ còn cái quần cụt, phơi da bụng trắng như bông. Nó dạng hai chân, chống mạnh, ghéch mặt lên một bên :

DẤY là... Tarzan nổi giận. Ta ở trên rừng 20 năm nay, ăn thịt cọp, beo, sư tử...

Con Lựu, thằng Quang và thằng nhỏ mặc quần treo đều cười. Thằng mặc quần treo cũng đứng dậy, ưỡng cái bụng ra trước, nói tiếp :

— Ta là Tarzan, ăn thịt chó...

Thằng Vinh ngừng mặt lên, cười rúc rích, lặp lại :

— Targan mà ăn thịt chó.

Con Lựu vuốt mái tóc đồ xòa trên trán, nói với thằng Vinh :

— Thôi, hát cải lương đi.

Không đứa nào trả lời con Lựu cả. Nó chớp chớp cặp mắt đen lách, ướt long lanh như muốn khóc. Thằng Quang và thằng mặc quần treo bỗng cất giọng một lần :

— Son,.. (ne)... les... tambours...
Son (ne)... les... tambours...

Thằng Tuấn đẩy vai thằng mặc quần treo, trợn mắt :

— Biết có một câu mà hát hoài. Hát dở khệt...

Thằng nhỏ mặc quần treo quay nhìn thằng Tuấn, cũng mở to đôi mắt :

— Ở trường Chim Xanh, cô giáo có bày hát Son... (ne) les tambours...

Thằng Vinh hét lên :

— Im. Cãi nhau hoài. Bây giờ đến màn khác... (Rồi nó trịnh trọng nói tiếp theo) ... Để tiếp tục chương trình, xin mời quý vị khán giả thưởng thức tuồng Lương Sơn Bá Chúc Anh Đài...

Thằng Vinh nói chưa dứt lời, thằng nhỏ mặc quần treo lại cất giọng, vừa uốn mình,

nảy cái móng qua bên phải, qua bên trái, đưa hai bàn tay lên múa thật dịu :

Sáng sến hanh xiu huynh xiêu tài. . Ý sư li sì ní sư thái... Tào thì tào sứ nánh hay sự nu...

Thằng Quang hát tiếp theo :

— ... Ni sanh tài thồn choàng chỉ chu din thái...

Con Lựu vẫn quỳ trên chiếu, ngược mặt nhìn hai đứa hát, nở một nụ cười để lộ hàm răng vàng ngàu. Thằng Vinh kéo thằng Quang và đứa nhỏ mặc quần treo ngả quay trên mặt chiếu :

— Thôi, bây giờ hát cải lương.

Con Lựu đứng thẳng dậy vuốt lại mái tóc, sửa lại cái áo cụt vá hai miếng vải đen, chắp hai tay trước bụng, chờ đợi. Thằng Tuấn hỏi :

— Hát tuồng gì ?

Thằng Vinh nói :

— Thừa quý vị khán giả. Đây là tuồng Tiếng chuông chùa.

Con Lựu chớp chớp đôi mắt, nghiêng khuôn mặt về một bên như đang đứng trước máy vi âm, cất giọng hát :

— «Thế rồi cho nên mỗi mắt dăm dăm trời một góc, bóng chim tăm cá xót xa chan chứa lệ ứa đôi hàng, bởi gặp cơn giông tố phũ phàng như gió táp mưa sa, bờ bến nơi đâu tôi đành để chiếc thuyền sầu mệnh mang trên giòng nước lũ... ư...ư...»

Cả ba đứa nhìn con Lựu không nháy mắt, yên lặng nghe con Lựu kéo dài mấy câu vọng cổ bất chấp nhịp nhàng. Thằng Tuấn chợt nói :

— Thôi, đừng hát cải lương nữa. Buồn lắm. Đánh chường đi.

Nó vừa nói vừa đá vào tấm carton trên mặt chiếu. Những mảnh plastic bắn tung đi khắp nơi. Thăng Vinh giận dữ nắm lấy bàn chân thằng Tuấn, hét lên :

— Kệ nó, để nó hát cho hết. Đang hát cái lương mà chường, chường gì...

Thằng Tuấn mất thăng bằng, bám vào vai thằng Quang. Thằng Quang ngã vào đứa nhỏ mặc quần treo. Đứa nhỏ mặc quần treo té nhào ra khỏi mặt chiếu. Nó vừa lồm ngồm bò dậy, khóc thét lên, vừa meo máo :

— Nghỉ anh Quang ra... Nghỉ anh Quang ra...

Thằng Tuấn nhảy tới, dấm vào ngực thằng Vinh, làm thằng Vinh loạn choạng ngã vào cái ghế mây. Thằng Vinh ôm ngực, cái miệng méo xệch, hai hột nước mắt chảy dài trên gò má :

— Ba về, Vinh mệt cho coi. Em mà hung lắm. Em mà đánh anh.

Thằng Tuấn sùng sộ :

— Tại anh Vinh đánh Tuấn trước...

Thằng Vinh cãi lại :

— Đánh đâu ? Vinh nắm cái chân Tuấn, chứ đánh đâu ?

Trong lúc đó, thằng Quang và đứa nhỏ mặc quần treo cũng cãi nhau chí chóe :

— Tại anh Tuấn đẩy Quang chớ...

Thằng nhỏ mặc quần treo cứ khóc rống lên vừa nói :

— Nghỉ anh Quang ra. Nghỉ anh Quang ra...

CON LỰU ngừng hát, trở mắt nhìn bốn đứa cãi nhau, khóc lóc. Hắn lui vào sát bờ tường, đứng im như pho tượng. Người vú già lại xuất hiện, nói lớn :

— Om sòm quá. Chơi với nhau rồi đánh lộn, la hét, khóc lóc om sòm. Thằng Tuấn, Thằng Quang, ông nhỏ đó nữa, ngồi hết xuống đi. Im đi. Đừng khóc nữa. Đứa nào la nữa bị đòn bây giờ. Anh em với nhau mà đánh lộn nhau hả ? Lớn lên rồi giết nhau hả ?

Chẳng có đứa nào trả lời cả. Ba đứa trẻ ngồi xuống, quay mặt mỗi đứa một nơi. Thằng Vinh vẫn ngồi trên ghế mây. Con Lựu vẫn đứng tựa vào tường. Người vú già đi xuống nhà bếp.

THĂNG nhỏ mặc quần treo khóc nhỏ dần, quệt cánh tay ngang mắt, ngồi yên một chút, rồi nằm xuống chiếu. Thằng Quang lim dim cặp mắt, ngồi xếp bằng như tượng Phật. Chỉ một lát sau, thằng nhỏ mặc quần treo đã ngủ yên lành. Thằng Quang bắt đầu ngủ gật. Thằng Tuấn lấy ngón tay vẽ từng vòng tròn trên mặt chiếu. Con Lựu đưa tay vuốt mái tóc, vẫn tựa lưng vào tường. Chợt thằng Quang ngã chúi xuống bên cạnh thằng nhỏ mặc quần treo. Nó trở mình gác chân phải lên bụng thằng Quang. Hai đứa ngủ say sưa. Con Lựu ngồi chồm hồm, lưng vẫn tựa vào tường. Thằng Tuấn vẫn cứ vẽ những vòng tròn tưởng tượng trên mặt chiếu. Thằng Vinh đưa bàn tay xoa ngực.

Bỗng giọng nói thằng Quang vang lên giữa yên lặng :

— Voici... la... té... te...

Thằng Vinh, thằng Tuấn, con Lựu đều nhìn thằng Quang. Nó vẫn ngủ say, đôi mắt nhắm nghiền, một cánh tay đặt trên mình thằng nhỏ mặc quần treo. Nó lại mớ :

— Voici... la té... te.

Thằng Tuấn và thằng Vinh chợt cùng nói một lần : Ngủ mà cũng mớ. Hai đứa cùng cười. Con Lựu cười theo. Rồi cả ba đứa cúi nhặt những mảnh plastic xanh đỏ trắng vàng vung vãi trên nền nhà. Thằng Vinh nói :

— Thôi cắt hết, sáng ngày chơi.

Con Lựu và thằng Tuấn cùng đáp :

— Ừ, mai chơi nữa.

Trong lúc đó thằng Quang lại mớ :

— Voici... la tête..., le nez, la bou.. sờ...

SƠN NAM

ngày hội tháng giêng ở saigon

NHỮNG ngày đầu tháng giêng, đồng bào Sài Gòn — Chợ lớn tham dự hai ngày hội quan trọng :

Đó là ngày hội ở lăng Ông Bà Chiểu, — lăng ngài Tả quân Lê văn Duyệt — từ đầu xuân đến ngày rằm. Đây là cuộc hành hương để cầu tài, hái lộc. Già trẻ trai gái đều tấp nập, không phân biệt tôn giáo. Nhang khói nghi ngút, lúc chiều cũng như lúc trưa. Đứng là ngựa xe như nước, áo quần như nêm. Người ta hái lộc quá nhiều, lộc này không kịp để cung ứng nhu cầu. Mặc dầu có lời yêu cầu tha thiết của ban quản trị, lắm khi vườn kiểng bị hái sạch (đến mức hư hại) ; nhiều người chờ đợi xin xăm, chen chúc nhưng chẳng tài nào tiến vào chánh điện được, người yếu tim có thể bị ngột vì khói hương.

Xin tóm tắt công đức ngài Tả quân : sinh trưởng ở Định Tường, giòng chúa Nguyễn Ánh phục quốc, lãnh trách vụ Tổng trấn Gia định thành, lập đồn điền ở Cái Bè, Cai Lậy (Định Tường), đào những con kinh chiến lược nối liền Hậu giang đến biển Vĩnh Xiêm La. Ngài cai trị toàn cõi Nam Kỳ nhưng dường như uy lực tinh thần của ngài không vượt qua bên kia bờ sông Tiền Giang.

Mặc nhiên, sau khi mất, ngài đóng vai trò thần Thành Hoàng và cũng là vị Thổ công tối cao của tỉnh Gia Định. Nếu tò mò, chúng ta thấy rõ : số người đến chiêm ngưỡng ngài Tả quân gồm đa số dân Saigon — Chợ lớn, nhất là các người Việt gốc Hoa ở Chợ lớn, các bà « xăm già ».

Tại sao người Việt gốc Hoa ở Chợ lớn

lại sùng bái một công thần Việt Nam? Đó là lòng sùng bái chân thành, kính cần, đượm vẻ huyền bí, cha truyền con nối, trở thành tập tục. Ở Gia Định, còn có lăng Trương tấn Bửu, Võ di Ngụy nhưng tại sao ít người đến bái yết?

NGƯỜI Việt Nam ở Gia Định và người Việt gốc Hoa ở Chợ lớn kiên nhẫn oai linh ngài Lê văn Duyệt. Ngài là vị công thần, khai sơn phá thạch có quyền tiền trạm hậu tẩu đã nghiêm trị các quan lại hời hợt với nhiệm vụ cương quyết thanh trừng bọn du đảng, bọn trẻ con bất hiếu. Sau khi ngài mất, Lê văn Khôi nổi loạn, vì lẽ lối cai trị hà khắc của quan Bô chánh Bạch xuân Nguyên. Lê văn Khôi chiếm tất cả sáu tỉnh Nam kỳ, chiếm nhanh chóng - điều ấy chứng tỏ Khôi thấu phục được nhân tâm và đa số quan quân đều nhờ công đức Lê văn Duyệt. Hai năm sau giặc Khôi bị dẹp tan. Vua Minh Mạng vốn có thiện thành kiến đối với Lê văn Duyệt « ra lệnh cho quan đốc phủ Gia Định đến nắm mộ của Duyệt san phẳng làm đất bưng, đặt một tấm bia đá trên có khắc tám chữ to: «Quyền yêm Lê-văn-Duyệt phục pháp xứ» (theo Bản Triều Bản Nghịch Truyện của Giá Sơn Kiều Oánh Mậu, soạn năm 1901 — bản dịch do Viện Khảo Cổ ấn hành). Cũng theo tài liệu nói trên, sau khi bị san phẳng, tại mộ Lê-văn-Duyệt « có những lúc trời âm u, đêm yên tĩnh, có tiếng ma quỷ khóc than, hoặc tiếng ồn ào người ngựa; dân cư nơi đó không dám lại gần, người đi đường đều dõng lối khác để tránh đi »

Vào năm Tự-Đức thứ 2 (1849), ở Kinh-Đô Huế «đầy binh dịch khi», các

quan bèn tâu lên vua — thừa dịp ấy — rửa tội xưa cho Lê-văn-Duyệt: «Đến lúc vua sai quan địa phương đem giấu bỏ tấm bia và cho con cháu tự ý sửa chữa ngôi mộ thì tiếng ma quỷ trong ban đêm mới dứt ».

Các chi tiết trên chứng tỏ: Khi Lê-văn-Duyệt bị hạ nhục, nhiều người phản nộ, chống đối ngấm ngấm bản án quá tàn nhẫn do vua Minh-Mạng ban xuống. Họ phao tin **LEU** **LEU** Lê-văn-Duyệt đã là vị khai quốc công thần, xưng danh là anh hùng. Anh hùng tử, khí hùng nào tử! Sau khi lia dương thế, ngài Tả Quân tiếp tục điều khiển một đạo binh ma. Khi anh hùng mang bản án oan ức thì xảy ra hiện tượng quỷ khóc thần sầu. Vùng Bà Chiểu, Bình Hòa lúc bấy giờ hoang vu sầm uất nên giới binh dân dễ tin nơi hiện tượng huyền bí, chứng tỏ ngài Tả Quân luôn luôn hiển hách, chánh khí mãi trường tồn với núi sông.

Lúc sống, ngài Tả Quân lo giữ nước, giữ dân, đến chết rồi, ngài vẫn không rời nhiệm vụ ấy.

VIỆC người Việt gốc Hoa — nhưt là nữ giới — từ Chợ lớn qua Bà Chiểu dễ cùng vái, xin xăm có thể giải thích được. Lúc sinh thời, hằng năm đúng ngày mừng sáu tháng giêng, ngài Tả Quân đích thân cử hành lễ ra binh, kéo binh sĩ đi vòng quanh thành Gia-Định để thị oai và để tổng ôn tổng quái. Về chi tiết cuộc lễ ra binh, xin qui độc giả xem thêm trong «Sài Gòn Năm Xưa» (do Vương hồng Sên soạn): ngài Tả Quân tắm gội trai kỳ, trong thành dân cư vọng bản hương án, những người

có tang khó nhứt là đàn bà bụng mang dạ chửa đều phải lánh xa...

Sài gòn ngày xưa tức là vùng Chợ lớn — Khu vực đường Nguyễn Trãi — Triệu quang Phục ngày nay. Khu vực thương mại ấy khá trù phú người Huê Kiều sống tập trung để buôn bán. Sau buổi lễ ra binh tổng quái, các tiệm phố mới yên tâm khai trương, đầu Xuân.

Khi ngài Tả Quân còn sống, đích thân ngài điều khiển lễ tổng quái.

Lúc ngài mất, người Việt gốc Hoa từ Chợ lớn vẫn nhớ « tiền lệ » tổng quái ấy. Họ đến chiêm ngưỡng công đức ngài tại lăng, tại đền thờ để cầu mong được tấn tài, tấn lợi, nhờ oai danh của ngài tổng quái giúp họ.

NGƯỜI Việt gốc Hoa sống tập trung tại Chợ lớn, thời xưa. Họ lập thành làng, với qui chế ít nhiều tự trị: Làng Minh Hương. Dân làng Minh Hương chọn sự cai trị trực tiếp của ngài Tả Quân Lê văn Duyệt. Họ có nhà công sở riêng với những ông Hương Lão, Hương Trưởng, Hương Trùm. Dân làng theo một Hương ước khá chặt chẽ.

Theo tài liệu do Hội Minh Hương Gia Thạnh ấn hành, hằng năm, cứ đến ngày 16 tháng giêng âm lịch, vào giờ mùi (2 giờ trưa), cử lễ Nghinh Thần để cầu an.

Công sở làng Minh Hương, trải qua bao biến cố lịch sử nhứt là biến chuyển văn hóa — đã mất vai trò hành chánh, trở thành ngôi đình: Đình Minh Hương Gia Thạnh. Đình này nổi danh là đẹp đẽ, tu bổ khéo nhứt, tổ chức có qui cũ

nhứt tại Chợ Lớn (số 380 đại lộ Đồng khánh, ngay Ty Cảnh Sát quận 5).

Người Minh Hương đến miền Nam trong hoàn cảnh nào? Các quyền lịch sử Việt Nam đã ghi chép khá nhiều. Xin tóm lược và đưa ra vài nét chánh.

TRÊN đường Nam tiến, người Việt ở Bình Định, Quảng Nam đã bắt đầu chán chê những thửa ruộng nhỏ hẹp nằm giữa dãy Trường Sơn khô cằn và biển Đông đầy giông bão thường niên. Chính trên vùng đồng ruộng nhỏ hẹp này, người Chiêm Thành bị tiêu hao khá nhiều sinh lực.

Người Việt sẵn sàng đi xa hơn, vào thời Trịnh Nguyễn phân tranh; họ làm ruộng tận Biên Hòa, Bà Rịa, đánh lưới tận hải đảo Phú Quốc phía cực Tây, sống rải rác ở ven rừng góc biển, thiếu tổ chức. Đất quá rộng, người quá thưa.

1679 vào năm 1679, các di thần nhà Minh chở hơn 300 thuộc hạ đến xin ra mắt Hiền Vương. Hiền Vương cho phép họ vào đồng bằng sông Đồng Nai và sông Cữu Long để lập nghiệp:

1) Trần thẳng Tài chú trọng mở mang thương mại ở vùng cù lao (Biên Hòa). Sau khi chợ này bị quân Tây Sơn đốt phá, đám thương gia rủ nhau xuống vùng Chợ lớn ngày nay để lập cơ sở khác, nơi có địa thế thuận lợi hơn.

2) Dương Ngạn Địch đến vùng Mỹ Tho lập trang trại, cho thuyền vào cửa Tiền. Chắc chắn rằng họ đến lập nghiệp tại các giồng đất cao ráo mà trung tâm là giồng Tân Hiệp (quận lỵ Bến Tranh, Định Tường) chứ không phải vùng chợ

Cũ Mỹ Tho. Vùng đất này trở thành Trấn Định; quyển «Lịch An Nam thông dụng trong Nam kỳ» do Thống đốc phủ ấn hành vào năm 1907 còn ghi rõ: Chợ Trấn Định nằm trong làng Tân Hiệp, tổng Hưng Nhượng, tỉnh Mỹ Tho.

3) Di thần Mạc Cửu đến Hà Tiên trong trường hợp khác hơn. Ông này đến với vài kẻ mưu sĩ và không có trình diện với chúa Nguyễn khi mới đến. Về sau, khi bị áp lực quân sự của Xiêm la, Mạc Cửu mới xin thụ phong. Mạc Cửu nhắm vào việc tổ chức sông bạc, dùng Hà Tiên làm hải cảng để giữ độc quyền mua bán giữa Cao Miên và ngoại quốc.

TRÙ trường hợp Dương Ngạn Địch ở Mỹ Tho, các ông Trần thẳng Tài và Mạc Cửu đều nghiêng về việc tổ chức thành thị, sống tập trung, nắm vững giềng mối thương mại.

Đám lưu dân Việt Nam đến trước dường như không thắc mắc về việc chúa Nguyễn đón rước các di thần nhà Minh. Đám lưu dân chịu thiệt thòi về kinh tế, bán sản phẩm qua tay trung gian, nhưng họ vẫn vui, bằng cớ hiển nhiên là họ không nổi loạn chống đối. Họ sống vui vẻ vì sản phẩm bán có giá, so với lúc trước. Ngoài ra còn lý do khác:

Trong sự chung đụng này, bao nhiêu tập tục, mê tín, dị đoan hoặc tín

ngưỡng lại cọ sát, dung hòa nhau. Nhiều danh từ hoặc thổ âm Triều Châu được Việt hóa. Lễ Thanh Minh lễ cúng Giời Tử Thôi, Khuất Nguyên... Đợm về long trọng. Ảnh hưởng của Thiên Địa Hội lan tràn vì bọn di thần nhà Minh vẫn ôm ấp giải mộng bài Mãn

Cuộc Nam Bắc phân tranh chấm dứt Năm 1698, Minh Vương Nguyễn Phúc Chu phái một vị quan văn võ toàn tài vào Nam: ông Nguyễn Cảnh. Ông này lãnh trách nhiệm đặt cơ sở hành chánh ở miền cực Nam biên thủy, xem hai huyện Phước Long và Tân Bình (Biên Hòa và Gia Định ngày nay) là hai đơn vị hành chánh đầu tiên thành lập ở đất Nam kỳ.

Năm sau (1699) ở đất Cao mên xảy ra cuộc làm phản. Nguyễn hữu Cảnh lại kéo quân sang Cao Mên, đến tận Nam Vang. Ông thắng trận nhưng khi trở về, cánh quân ấy tan rã dần dần, rút lui theo đường Châu đốc xuống Long xuyên

Năm sau (1699) ở đất Cao mên xảy ra cuộc làm phản. Nguyễn hữu Cảnh lại kéo quân sang Cao Mên, đến tận Nam Vang. Ông thắng trận nhưng khi trở về, cánh quân ấy tan rã dần dần, rút lui theo đường Châu đốc xuống Long xuyên

Năm sau (1699) ở đất Cao mên xảy ra cuộc làm phản. Nguyễn hữu Cảnh lại kéo quân sang Cao Mên, đến tận Nam Vang. Ông thắng trận nhưng khi trở về, cánh quân ấy tan rã dần dần, rút lui theo đường Châu đốc xuống Long xuyên

Năm sau (1699) ở đất Cao mên xảy ra cuộc làm phản. Nguyễn hữu Cảnh lại kéo quân sang Cao Mên, đến tận Nam Vang. Ông thắng trận nhưng khi trở về, cánh quân ấy tan rã dần dần, rút lui theo đường Châu đốc xuống Long xuyên

(Hậu giang) rồi qua Tiền giang đến Vĩnh kim (Định tường). Tại Vĩnh kim ông Nguyễn hữu Cảnh mang bệnh thổ huyết mà chết.

Cánh quân ấy vượt ngang hai con sông Tiền giang và Hậu giang bao nhiêu thương binh, bệnh binh và quân sĩ được dịp giải ngũ—hoặc đào ngũ. Quân sĩ mệt mỏi vì phong thổ bất đồng nhưn cuộc viễn chinh; cái chết hơi đột ngột của Nguyễn Hữu Cảnh lúc thắng trận lui quân khiến cho chúng ta liên tưởng đến một cuộc chiến thắng theo kiểu Nã phá Luân chiến thắng Nga Hoàng rồi rút lui giữa mùa đông tháng giá.

SUỐT con đường lui quân của Nguyễn Hữu Cảnh chúng ta thấy khá nhiều đình thờ, dành riêng cho ông. Đó là những cựu quân nhân thờ vị tướng lãnh của họ, đó là những người lính giải ngũ, trở thành dân bạch đình, tôn thờ vị thần Thành Hoàng Bồn Cảnh: đình thờ ở Châu Đốc, ở làng Ông Chưởng (tại các làng An Thạnh Trung, Long Kiến, Long Điền, Kiến An nối liền sông Tiền Giang qua Hậu Giang) đình thờ ở Biên Hòa. Ngoài ra còn đình thờ ở Nam Vang, do Việt kiều đảm nhiệm phần hương khói. Và đáng chú ý nhất là ông Nguyễn Hữu Cảnh còn được thờ tại đình Minh Hương Gia Thạnh, bên tả Chánh điện, thờ chung một bàn với di thần Trần Thắng Tài, người lần đầu tiên sáng lập đình Minh Hương tại Biên Hòa.

Người Việt gốc Hoa từ Chợ lớn đến Bà Chiểu chiêm bái ngài Tả Quân Lê văn Duyệt.

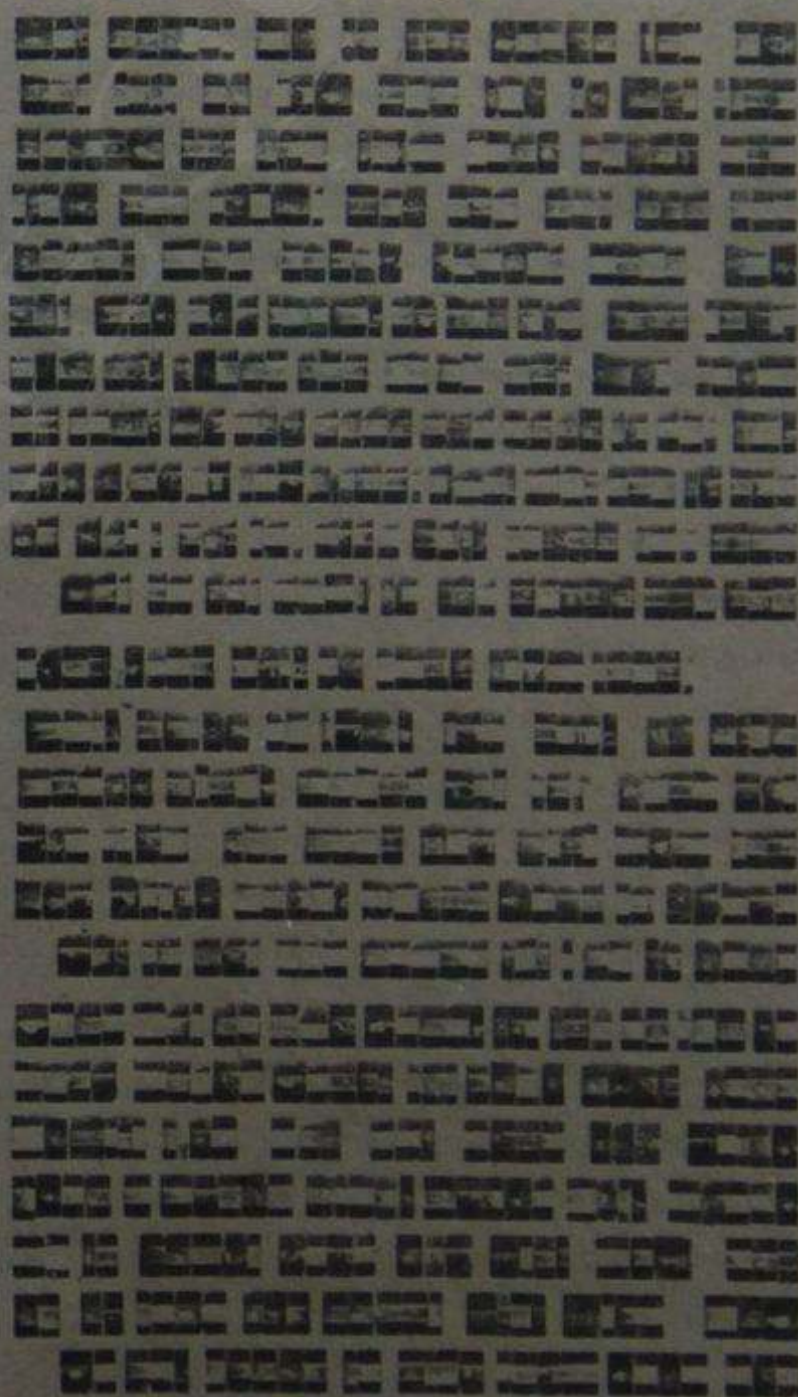
Vị công thần Việt Nam từ miền Trung vào Nam được thờ tại đình Minh

Hương dành cho các vị thần nhà Minh

Cuộc gặp gỡ ấy thật đầy ý nghĩa và, dễ hiểu.

Người Việt gốc Hoa xem ngài Tả Quân như vị Thổ Thần cao cả đầy đủ uy linh.

Người Minh hương muốn chứng minh lòng thành thật và thiện chí của họ trước sự kiện lịch sử, văn hóa. Tài liệu của đình Minh Hương Gia Thạnh xác nhận: «Trong số hơn 210 hội viên Minh Hương Gia Thạnh, mặc dù có gốc Trung Hoa mà đã nhỏ giọt xuống năm sáu đời sống theo nếp sống bên ngoại Việt Nam thì thành ra hoàn toàn dân Việt về nếp sống và phong tục».



văn lệ thiên

LÝ DO

TRỨ nép mình dưới hố, đưa mắt quan sát phía trước mặt. Khóm cây bên trái bỗng động đậy, rồi một cụm cây nhỏ trườn tới, và sau đó đất gần đó hai cụm khác nhô ra, lom khom chạy đến, lắc lư trông như những con nhím.

— Đoàn! —

Một tiếng nổ to vang lên sau tia chớp sáng lòa. Trứ nâng cao súng, bấm cò. Phút chốc tiếng súng vang rền. Địch quân hồ xung phong rền trời, ồ ạt tiến lên. Ở hố bên cạnh có tiếng lầu nhầu :

— Tồ mẹ, mới nổ mấy phát đã cầm cứng.

Tiếng thẳng Quyền. Trứ chồm lên nói với sang :

— Cả tháng này chả thêm chùi lau lần nào thì bảo nó nhả ngon sao được.

Tiên, thẳng tiểu đội trưởng hét lớn :

— Ê, đánh giặc mà nói chuyện hờ, co; chừng mấy cha nghe được phạt chết bây giờ.

Quyền gọi :

— Tiên ơi, tới sửa giùm súng tao cái coi.

— Nghệt rồi hả ?

— Ừ, từ nãy giờ.

Trứ nạp gấp đạn thứ hai, tay bấm cò liên hồi. Ba bốn tên địch chạy dồn sát nhau trước mặt Trứ. Một tên la :

— Thằng Lực chạy xê ra xa chứ mậy, đi chùm ngùm hết bây giờ. Hồng biết dàn hàng ngang à.

Ngộ bật cười :

— A, bọn giặc này kỳ thiệt, chẳng coi đạn ra cái thá gì cả, nói chuyện rùm beng. Tao bắn vỡ sọ bây giờ.

Súng vẫn nổ chát tai, địch quân vẫn hùng hồ vừa cãi nhau, vừa bắn, vừa hô xung phong. Đột nhiên một trái sáng nổ tung, chói lòa. Trứ đứng dậy, phúi quần, mang súng lên vai nhảy khỏi hố. Quyền ngáp dài :

— Buồn ngủ rồi, chán thấy mẹ, bắn mà tử chẳng sướng chút nào.

Toán giả địch vừa tới kịp. Lực xuất xoa :

— Chà, lâu lâu ria một bữa tề vai.

Vừa nói nó vừa kéo vút lá ngụy trang.

Về tới sân tập hợp, trung đội giả địch bị phạt vì tội làm ồn lúc tấn công. Trung úy sĩ quan huấn luyện viên chấp hai tay sau lưng, thông thả đếm :

— ... Chín... lên, mười... lên, mười một... lên.

Có tiếng thì ào :

— Mau mau chút... trung úy ơi ! Bết tay quá trời.

— Mười bốn...

Những cánh tay khuỳnh rộng ra, run run đưa thân hình các... chiến sĩ hạ thấp xuống.

— ... Lên, mười lăm.

Những cặp giò thẳng hàng loạt. Các mũi giày cắm xuống đất, mấy cái gót lắc lư muốn ngã.

— Mười chín... lên, hai mươi... Thề thủ !

Tất cả nhóm vội dậm, khom mình, chia

súng về phía trước :

— Sút ! sút !

Trình diện xong, mãn giờ huấn luyện. Không khí như muốn tan loãng ra vì tiếng ồn ào, hồ hết. Trứ xách súng chạy nhanh tới một bóng cây mát, mắc ba lô lên cao, lồi vông ra treo. Lực và Ngộ giành nhau sợi giây gai, hai thằng đều chạy tới một lượt, mỗi đứa nắm mỗi đầu.

Vào tuần lễ thứ mười, chương trình huấn luyện dày đặc những bài. Khóa sinh không có giờ nghỉ trưa, giấc ngủ đêm bị rút ngắn. Hôm nào gần mười một giờ tối mới lần mò về đến phòng. Quần áo ỉ mềm vì mồ hôi, đất cát bám đầy; toát mùi khó ngửi. Trưa, lúc ra bãi trời nắng gắt, nóng bùng mảy mặt, cây súng cầm trên tay mỗi lúc càng nặng. Nhưng lướt về chân bước không còn thấy mỏi, người nhẹ nhàng như bay trên mây, lúc đó nhiều anh vừa đi vừa ngủ. Cái cảm giác bước lằng lằng này chỉ tan biến khi chợt vấp phải một hòn đá.

Trứ leo nằm trên vông, Ngộ và Lực đã thỏa thuận về sợi giây gai, Lực cắt đứt đoạn dài hơn phân nửa, Ngộ lãnh phần còn lại.

DƯỚI bóng đuối trước mặt Trứ, nhóm bảy tám người đã nằm xuống nghỉ mệt. Hai người khác vừa cời giày vừa nhìn chăm chăm về đằng xa, thật xa, dưới dãy núi xanh. Nơi đó bốn chiếc máy bay đang oanh tạc. Ở đây nghe rõ tiếng động cơ nhưng chỉ thấy hình dáng bốn thoi thép rất nhỏ, sáng ngời, từ tít trên cao rớt xuống, rồi quay trở lên kêu ầm ỉ. Lát sau có tiếng nổ rền, và bốc lên mấy cây khói đen kịt.

Vùng núi đó đã ba bốn hôm, ngày nào cũng bốc khói. Lúc hai, lúc bốn, những chiếc phi cơ thay nhau vắn vũ đội bom. Ban đêm lại vang rền tiếng súng lớn. Tối qua ngồi gác

trên pháo đài, Trứ nghe những tiếng súng ấy như gần lắm. Trứ đếm thầm trong miệng xem bao lâu lại nổ một tiếng, nhờ thế mà bớt gật gù.

Trứ như trông thấy rõ ràng trong đầu cái làng dưới chân núi, nơi bị dội bom, chuyển động theo những tiếng nổ kinh hồn. Năm tháng trước, tại quê nhà, Trứ đã một lần trông thấy tận mắt, nghe sát bên tai những tiếng bùng đầu ấy.

CÁI hăm hình chữ V bề ngang chỉ vừa đủ thân người. Trứ nắm sắp hai tay chống lấy cằm. Nắng gắt đốt nóng bỏng da lưng. Một hồi sau, Trứ xoay nghiêng mình, mỏi như xương cốt, đất cát bám đầy tay chân, dính nhám mặt mày. Bên trên súng vẫn nổ dồn. Trứ nhớ lại tốp người lúc sáng. Một cây súng thật dài choàng qua vai anh chàng mặc bộ đồ bà ba màu xanh da trời. Cái mũ vải rộng vành đội nghiêng trên đầu như người Mỹ Tây Cơ trong các phim Cowboy Mỹ. Anh ta xách hai con cá hổ phơ chưa được khô, vào quán bà Rớt xin nướng nhờ. Rồi bày gói cơm ra giữa sân ngồi ăn, bỏ cây súng nằm gác đầu trên lan can sân, cạnh cái xách ka ki bạc màu có quai lụa đen lằng, cái xắc no phồng to bằng chiếc cặp da lớn. Anh ta ngồi ăn, bình thản, không nhìn ai, gói cơm tròn trĩnh bọc trong cái khăn tay sứt mẻ dần. Hai mẹ con bà Rớt thập thò trong cửa ngó ra xem một cách lạ lùng. Trứ ngồi trên xe đạp vịn hàng rào nhìn sừng. Một hồi sau thằng Giác ở lối xóm trên đi xuống, lại gần Trứ nó nói nhỏ :

— Dưới nhà làng có một ông đang viết bảng, với một người giống ông Chân ghê hồn, cũng cao cao, ốm và mặc áo bà ba không gài nút cổ, ông ấy trèo lên cây xoài trước đình treo tấm bảng thật là dài. Mình xuống dưới đó coi chợ anh năm.

Trứ cười và chở nó đi. Chân là người đàn ông bỏ đi cách đây hai năm, trong một đêm chó sủa dậy làng, đêm mà mấy anh thanh niên chiến đấu võ trang thô sơ đã phải ôm vũ khí: 2 quả lựu đạn, một cây gậy và cuộn dây dứa, lui trốn biệt. Những tốp đàn bà trẻ con bị lừa về sân đình ngồi mít ting thấy hai người mang súng dắt Chân ra bỏ ngã dưới gốc xoài. Bốn tháng sau Chân xách súng về làng lần đầu tiên với mấy người đã bắt anh trước kia. Những con chó lại được dịp sủa từ xóm trên đến xóm dưới. Chân còn xuống nhiều lần nữa, cho đến hôm Tết vừa rồi, lần cuối, anh ta về nằm ở sân vận động trước quận.

BỀM ba mươi trời tối, Trứ phụ với em sắp bánh trái ra bàn cho mẹ cúng rước ông bà, bỗng nghe một loạt súng nổ rất gần, đâu trên mé rừng. Theo sau đó là nhiều tràng dài khác. Hoảng quá Trứ thối phụt ngọn đèn, nhà bỗng tối bùng, mọi người im thin thít. Sáng ngày mồng một, ba chiếc xe quận đầy nhóc lính chở Chân ra bỏ nằm ở sân đình, nơi trước kia anh ta thường lừa đồng bào tới mít ting. Dân làng chạy ra xem kinh ngạc. Anh ta chết bên mấy cuốn biểu ngữ và cả tập truyền đơn. Nghĩa quân xã lập được một chiến công đầu năm. Trưa đoàn xe chở anh ta về quận để nằm trước sân vận động. Nơi đây người ta đến xem vòng trong vòng ngoài, đông nghẹt. Tới xế cái xác đã khô đét, những vết máu đọng lại loang lổ khắp mình. Cặp cẳng duỗi thẳng duỗi, mồm khinh, đôi dép đen quai treó vẫn còn dính chặt trong chân. Mấy đứa nhỏ ngồi xề lại gần chỉ chỗ những vết đạn ở hông, ở đùi. Các cô gái mới bước vào, trông qua, đã rùng mình chen vội ra ngoài... Cái người nói thật hùng hồn giữa đám đông trước sân đình giờ

đây nằm yên lặng, bộ mặt hốc, trắng bệch, mắt trợn trừng. Rừng người chen lấn ồn ào, quần áo đủ màu sắc sỡ, thật khác hẳn với cái xác mặc quần cộc đen, áo bà ba hở cổ.

TRỨ dừng xe, Giác nhảy xuống. Bọn trẻ chạy lại bu quanh tấm bảng đen, mà mới hôm qua còn ghi tin chiến sự: «...Địch bỏ xác 13 tên, ta tịch thu một đại liên 30, 2 tiểu liên Tiệp khắc. Bên ta hoàn toàn vô sự». Người đàn ông cao, mặt xương, da tái tái cầm cúi viết từng nét trên tấm bảng trơn. Chữ đỏ không nổi trên bảng đen láng trợt, ông ta chắc lưỡi, nói với lũ trẻ mà không quay lại: « Phải được nền xanh hay trắng thì tuyệt! » Mấy đứa nhỏ đứng kiềng chân theo dõi, chăm chú. Thắng Định đánh vần lập bập, nó vốn dốt: « Rê-i-a-ga... gải, gải phóng ». Giác với tay cốc đầu thằng bạn ngu si: « Vậy mà đòi học lớp ba. Gải, gải cái gì, giải phóng chứ. Cu u... quân đội giải phóng ». Người đàn ông im lặng cười.

Một tấm biểu ngữ giăng giữa hai cây xoài trước mặt đình có hàng chữ thật to tướng, đỏ tươi. Bên hàng rào kẽm gai gần phòng không tin cũng mắc một tấm tương tự. Trứ đạp xe về. Thắng Tấn ôm một mớ những lá cờ to nhỏ từ xóm trong đi ra. Có mấy lá bị xé rách bay lòng thòng dưới tay nó. Chú Xê và hai người con lớn lui hui đào hầm. Thắng Bơi rinh mấy tấm ván trong nhà ra bỏ gần đó. Nuôi từ ngoài ngõ chạy vào, leo ngồi trên chổng ván:

— Anh tư ơi, em gặp thằng Tấn, nó có súng.

— Thiệt hả? — Bơi hỏi, ngạc nhiên.

— Ừ, cây súng to lắm.

Nuôi chu miệng nói nhỏ hơn:

— Còn có một ông đi trước nó ôm một chổng sỏ gia đình thiệt là cao. Cái ông hồi

sáng vô nhà mình thâu cớ đó mà.

Bơi gục gặt đầu :

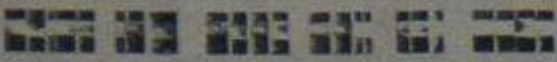
— Tao biết.

Trứ dừng xe vô xem. Chú Xê hỏi :

— Hầm nhà mày đào xong chưa Trứ ?

— Dạ rồi, nhưng không có gì tử ở trên hết.

Chú dừng cuộc :

— Về kiểm bầy tàu dừa, bẹ chuối, rơm rạ bỏ lên, đỡ lằm chấu ời. Họ về đây thì thế nào  hai đàng choảng nhau, mình kẹt nguy to. Năm trần trần giữa trời lơ nó rớt xuống một trái thì nát bét.

BÂY giờ nhớ lại lời chú : «... lơ nó rớt xuống một trái thì nát bét». Trứ càng sợ run người.

Trứ khố nhọc trở mình, nghe mẹ thì thầm : «Cầu trời Phật phù hộ mẹ con tôi . .». Chân con Liễu run lầy bầy, cựa quậy luôn. Dễ chừng hai bên chạm nhau đã hơn một giờ. Hình như không giảm mà tiếng súng càng lúc càng rồn rập thêm. Và bỗng nghe có tiếng rít dài, vì vèo bay đến, qua mau và phút sau là một tiếng nổ dội đất rung rinh nhà cửa. Trứ nhắm mắt, cúi đầu thật sát đất. Con Liễu hỏi, run, đứt quãng : «Canh nông phải... hông má ?» Những tiếng rít dài xé gió lại đến, qua mau, rồi sau đó là một tiếng nổ. Gần quá, có lẽ ở trên mé rừng, cạnh đường xe lửa. Trứ hồi hận, nếu khi sáng nghe lời chú Xê đào hầm rộng ra và phủ cây, đất lên trên thì lúc này đâu phải khờ... Nặng vẫn dữ, súng vẫn nổ, cho đến khi Trứ toát mồ hôi khắp người, hết biết sợ và bớt thấy nóng.

Nằm rắng dưới cái hầm nung người đó một lúc lâu sau khi tiếng súng im bặt, mẹ Trứ bước lên khỏi hầm trước tiên, Liễu lồm cồm ngồi dậy phui quần áo, Trứ đi và sờ cái lưng đã xộp da của mình. Măm cơm trong nhà vẫn còn nguyên. Bát cơm Trứ ăn dở đã

khô trên mặt. Con chó nhỏ không xúc phạm món gì, nó lúi nằm trong hốc cửa. Trứ vớ cái áo thung phui đất trên mình. Hồi này trước khi ăn Trứ đã cời bỏ nó cho mát. Ba mẹ con tiếp tục bữa cơm, Liễu vẫn còn xanh mặt, mẹ Trứ không nói câu nào. Bên ngoài im lặng hoàn toàn. Lúc đó khoảng gần hai giờ chiều.

Xế, khi Trứ ôm mấy chiếc chiếu chạy theo sau mẹ và em, ngó ra Trứ thấy những người mang dép quay tréo, mặc áo bà ba không còn lẫn quần ở đình làng nữa. Đường xuống biển người ta đi thành dãy dài, ngoài tiếng trẻ nhỏ khóc, chẳng ai nói gì. Liễu gánh chạy trước mẹ, mấy cái nôi nằm sắp phoi dít đen lánh. Qua ngòi, Trứ đội giùm em hai bao gạo, nước lớn đến cồ, xao động vì gió. Mấy đứa nhỏ ngồi trên vai mẹ sợ quá khóc thét lên. Tốp đầu đã lên khỏi bãi, qua đến vườn dương, số đông còn bì bõm lội dưới ngòi. Trên không hai chiếc oanh tạc cơ bay vòng quanh, kêu rợn người. Vẫn không ai nói tiếng nào.

MỘT giờ sau đó người ta đã đi xa khỏi nơi sinh sống bao năm. Họ phải rời bỏ tất cả. Tối hôm ấy được yên, không phải sợ thấp thỏm vì tiếng trống thúc và tiếng chó sủa ran như đêm trước, nhưng Trứ vẫn không ngủ được. Ở nhà dưới dì ba và mẹ Trứ nói chuyện rầm rì, Liễu kể cho mấy cô em họ nghe về đám người mang súng mang đèn đi khắp làng hồi hôm, trận đánh có canh nông khi sớm. «Thằng Tấn biết cái gì mà theo lên núi hả anh năm»? Liễu hỏi. Trứ im lặng không biết trả lời làm sao. Thằng Tấn mấy hôm trước, chiều nào cũng lấp ló ngoài hàng rào chờ em tan học về, hễ thấy Trứ xách thước kẻ ra cửa là nó lúng túng ngó lơ ngoài đường, thật khác hẳn với thằng Tấn ôm xấp cờ, 



Ruộng đất vườn tược bỏ cả, đám dân
làng lánh nạn đã tản mác khắp các thôn gần
quận lỵ.

Trứ im lặng, nhưng hôm đó bỗng
dưng Trứ hỏi, thản nhiên:

MẤY mấy tuổi Trứ?

— Mười tám.

— Trời ơi nhỏ quá!

Đình kêu. Trứ cười:

— Lành căn cước hôm trước thì hôm
sau tôi đăng lính.

Hào và Đình ngó nhau chẳng hiểu gì.

— Còn thằng Tấn nữa.

Trứ gục gặt đầu, tiếp, như nói với mình

Trứ gục gặt đầu, tiếp, như nói với mình

— Hôm người ta dặt díu, bỗng bề nhau

chạy trông thật là vui... các anh nhỉ?

Đình nhìn Hào, cả hai ngơ ngác.

Đình nhìn Hào, cả hai ngơ ngác.

Đình nhìn Hào, cả hai ngơ ngác.

Đình nhìn Hào, cả hai ngơ ngác.

Đình nhìn Hào, cả hai ngơ ngác.

Đình nhìn Hào, cả hai ngơ ngác.

Đình nhìn Hào, cả hai ngơ ngác.

Đình nhìn Hào, cả hai ngơ ngác.

Đình nhìn Hào, cả hai ngơ ngác.

Đình nhìn Hào, cả hai ngơ ngác.

ĐÃ PHÁT HÀNH

LÒNG ĐẤT

truyện dài KIÊM THÊM

truyện viết về những bi thảm của đất nước

dương xuân

THÁP PHÙ NGỌC

GIỮA hồ Bích lãng, có một mảnh đất nhỏ, khi nước hồ rút xuống, bề mặt mảnh đất lớn thêm, người ta có thể bơi thuyền ra giữa lòng hồ và trèo lên mặt đất. Nhưng vì bùn lầy hoàn toàn giống bùn nổi đọng lại, bước lên chân ngập đến mắt tấc, vì thế dù khi nước xuống cũng ít người dám đi lên trên.

Ấy thế mà trên mảnh đất đó lại xây được một tòa tháp đá cao vút.

Tháp đó không bị lở sụt, cũng không lún xuống. Mỗi khi nước dâng cao, mặt đất bị nước khóa lấp đi, trông y như chân tháp nổi trên mặt hồ.

Người ta gọi là tháp Ngọc nổi. Cứ theo bộ lão thuật lại, thì ở trong đó có một vật

quý giữ tháp, ấy là viên ngọc đẹp có thể nổi trên mặt nước. Viên ngọc này là của một thiếu nữ họ Trầm : nàng ngụ bên cạnh hồ Bích - Lãng, thường bơi một chiếc thuyền nhỏ, năm tháng nhởn nhơ trên mặt hồ.

Theo lời đồn, cha nàng là một người đánh cá.

Cô gái họ Trầm khi lớn lên rất xinh đẹp. Có một lần người con của ông nhà giàu họ Tiền nổi tiếng tại Hồ Châu trông thấy nàng ngớ là tiên, tức thì nhờ mối đến nhà họ Trầm xin hỏi. Người cha cô gái họ Trầm không cần nghĩ ngợi gì, nhận liền lễ vật. Ấy không phải vì nhà họ Tiền giàu có mà do Tiền Công tử có tài hơn người.

Nàng còn quá trẻ dại, chưa hiểu ý nghĩa hôn nhân là gì. Nên đối với việc dựng vợ gả chồng nàng cũng không thích thú. Vì vậy mà khi bạn bè đồng lứa trêu đùa, nàng mặc cho họ nói sao thì nói.

NHƯNG xế trưa một ngày kia, nàng đã thấy Tiên công tử, ấy là Tiên công tử cố ý lại hăm người vợ chưa cưới, chàng giữ nàng lại chuyện trò vui cười, mà còn lên thuyền nhỏ của nàng để cùng nàng chèo đua.

Nàng vui chơi rất là thoải thích, nhưng lúc bấy giờ nàng vẫn chưa biết chàng trai đó là người chồng tương lai của mình

Họ cũng chơi với nhau cả buổi, Tiên công tử mới lên bờ mà đi, nàng còn chèo thuyền dọc theo bờ tiến chàng thật xa mới quay về. Lúc đó có số thuyền nhỏ lặn lặn bơi lại, họ ngổ lời mừng nàng, cũng chỉ trích nàng dẫu cha mẹ đi chơi lén với chồng chưa cưới.

Mãi tới, lúc đó nàng mới hay chàng trai đó là chồng chưa cưới của mình. Cùng với chồng chưa cưới gặp mặt riêng, tự nhiên là xấu hổ, nhưng nàng đã không thể mà còn ưa thích người trai đó. Từ cuộc gặp gỡ riêng đó, tình yêu nảy nở, do đó nàng tưởng nhớ đến chàng.

QUA ngày thứ hai, nàng vẫn bơi thuyền trên hồ, nàng ngóng trông chồng chưa cưới lại đến, nhưng nàng thất vọng. Vì hôn phu còn ở trong trường đọc sách, không thể tự do ra ngoài được, chẳng phải chỉ một lòng trông ngóng, nhưng vị hôn phu vẫn không

trở lại, nàng đâm thất vọng đến đau lòng, rồi cuộc nàng khóc ròng vì quá tưởng nhớ. Cứ theo lời bà lão kể lại, trong khi nàng khóc, nước hồ Bích Lãng cũng vì nàng mà nước nở.

THẾ rồi trên hồ Bích Lãng bỗng xảy ra một chuyện lạ lùng một nhà sư đi trên mặt nước.

Cô gái họ Trầm vốn sinh trưởng trên hồ, từ trước tới giờ nàng chưa hề thấy người đi trên mặt nước, nàng cảm thấy lạ lùng, nhân đó nàng thôi khóc mà đứng lên coi.

Một vị Hòa thượng lướt đi trên mặt nước nhẹ nhàng mau lẹ còn dễ hơn đi trên đất bằng. Nàng vẫn còn tính trẻ con không tự chủ được liền vỗ tay khen giỏi.

Nhà sư trông thấy nàng liền từ từ đi lại, bước lên thuyền và chấp tay thăm hỏi. Nàng không chút sợ sệt, hỏi nhà sư làm sao mà đi trên mặt nước được? Nhà sư liền nói với nàng : Trong mình ta có một vật quý nên nhờ đó có thể đứng trên mặt nước mãi mãi mà không chìm ; nhưng nàng không tin.

NHÀ sư liền lấy ở trong áo ra một viên ngọc nhỏ bằng hột đào lớn đưa cho nàng coi. Cô gái họ Trầm cầm lấy, nhận thấy viên ngọc trắng thoảng xông vào mũi mùi thơm lạ khiến nàng đưa gần lại ngửi không dè viên ngọc vừa chạm vào môi, thì như tự động lọt ngay vào miệng nuốt trôi tuột vô bụng nàng.

Nàng kinh sợ, nhưng nhà sư hướng vào nàng mà chúc mừng, nói nàng có

duyên phận được ngọc, sau đó nhờ nàng cấp bờ.

Khi đó mặt trời vừa lặn, lên bờ rồi hòa thượng nói với nàng : Viên ngọc nổi ấy đã thuộc về nàng, nếu nàng muốn lấy từ trong bụng ra, chỉ cần hướng về phương tây vái ba lần, ho ba tiếng, sẽ được như ý. Nàng mỉm cười vâng dạ, quay mình chèo thuyền, nàng tò mò làm thử, thì quả nhiên hiệu nghiệm.

Nhân đó nàng vui mừng khôn xiết, vừa ca hát vừa chèo thuyền về nhà.

Nhưng chuyện không may đồng lúc phát sinh. Trong khi nàng đưa nhà sư lên bờ, thì Tiền công tử cũng vừa tan học đi ra tìm nàng, trông thấy nàng chuyện trò thân mật với nhà sư, chàng đã hiểu lầm, nên lánh sang gốc cây không chịu lộ mặt.

NGÀY hôm sau, chàng nói lại cho người nhà nghe mà cho cô gái họ Trầm là không trong sạch, nên muốn đòi lại lễ vật; nàng không còn cách nào để bày tỏ, đồng thời nàng giận chồng chưa cưới đã bạc tình,

tự cảm thấy không muốn sống nữa, nàng gieo mình xuống nước tự tử ; nhưng có ngọc nổi trong mình, xuống nước chẳng chìm nàng phải vớt bỏ ngọc đi, rồi cuộc nàng đạt được mục đích. Từ đó về sau, trên hồ Bích-lăng hằng đêm ma kêu quỉ khóc rất thảm thiết, và cũng đêm đêm trong lòng hồ có ánh sáng vọt lên. Sau này nhà sư biết tin, một mình chèo thuyền ra hồ vớt thi thể cô gái. Cũng tìm lại được viên ngọc nổi. Để tỏ lòng thương xót và để kỷ niệm nàng, nhà sư đi quyên tiền bốn phương, dùng viên ngọc làm nền tảng, xây cất một tòa tháp ở giữa hồ Bích-Lăng, tháp toàn bằng đá, cao bảy tầng, coi đó như phần mộ của cô gái họ Trầm.

Đó là công trình của tích lạ. Khi đương xây tháp thì giữa hồ nổi lên một bãi đất. Không bao lâu tháp xây xong nhà sư đặt ba chữ « Phù Ngọc Tháp ».

Tiền công tử về sau ra sao không ai rõ ; nhưng tháp ngọc nổi của cô gái họ Trầm còn mãi mãi với thời gian.

GIỮ' THƠ'M QUÊ MÈ

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ PH LÁ BỒI XUẤT BẢN

Thư từ, bài vở,

án phẩm gửi về:

TRU - VU

Bưu phiếu xin đề :

Cs CAO NGỌC THANH

702178, Phan thanh Cẩn — Saigon

CHINH BA

bí • bí • bí • bí • bí

BÀ chủ tôi chẳng còn trẻ trung gì lắm nhưng bà có một nụ cười tuyệt đẹp. Tính trung bình mỗi năm bà cười với tôi chừng năm lần. Mỗi lần bà cười tôi khoan khoái đến cả tháng. Nụ cười quý giá ấy nở trên khuôn mặt phúc hậu, tròn trịa, ngon lành như một cái bánh bèo. Nếu chút nhờn tôm màu gạch cua nằm giữa lông cái bánh bèo đã làm tôi chảy nước miếng vào những buổi sáng cận tới tiền, thì nụ cười trên khuôn mặt phúc hậu kia đã làm tôi thẹn thỏ với cái vẻ huy hoàng của cảnh giàu sang. Thật vậy, nụ cười ấy lóe lên những ánh vàng rất cảm động. Bà có thể phơi bày tâm thần trắng trẻo và mẫu mớ của bà trên bãi biển ngày chủ nhật; nhưng dù nằm một mình trong phòng kín, bà cũng nhất quyết không để cho một chiếc răng nào được ở trần. Bởi vậy cái mỉm bà là một nữ vàng óng ánh.

Hôm nay cái tủ vàng ấy mở hai cánh cửa nặng nề ra để tấn thưởng tôi :

— Chú Tư à, tháng này chú làm việc khá lắm. Tôi trả lương sớm cho chú đây.

Bà cố gắng nhấc hai cánh tay to béo đến chiếc hộp sắt đựng giấy tờ và tiền tiêu vật ở trên bàn. Cứ chỉ đó tôi được thấy mỗi ngày vào lúc bà đưa xấp biếu lại cho tôi đi thuê nhà, và lúc tôi đem tiền về nộp cho bà. Nhưng chỉ một lần trong mỗi tháng, cứ chỉ đó đã làm tôi xúc động. Ấy là lần bà nói: « Tôi trả lương cho chú đây ! ». Tôi chưa hề được một cô gái nào hướng vào cái « thân tàn ma dại » của tôi mà nói : « Em yêu anh lắm ! », nhưng giá có kẻ vừa dại vừa bạo gan như thế thì dù giây phút ấy tôi có mềm lòng thế mấy cũng không xúc động bằng lúc tôi nghe câu nói của bà chủ.

« Tôi trả lương cho chú đây ! » Ồi ! Ờm ái gặp mấy lần một bài diễn văn đầy rất những từ ngữ Tự do, Độc lập, Thống nhất, Hòa bình của những chính khách. Vì rằng bà chủ tôi không nói đốc bao giờ, bà nói xong thì làm ngay.

Một tiếng « tách » nhẹ, chiếc hộp sẽ sàng hé miệng, như cái hé miệng rất hà tiện sau khi đã uốn lưỡi đúng 7 lần của một người vừa khó tánh vừa cần trọng. Thế mà cái hé miệng ấy sẽ làm tiêu hao của bà chủ tôi đến một ngàn hai trăm đồng.

BANG khi chờ đợi, tôi bỗng cảm thấy có cái gì đang động đậy. Nhìn xuống, tôi bắt gặp hai bàn tay nhẹ như bấc của tôi đang từ từ đưa lên theo một tư thế rất hợp với nghi lễ Khổng giáo. Da tôi đã xanh, mà những sợi gân máu lại còn xanh hơn, chúng phù mình lên, bỏ ngoằn ngoèo, như chực trường mình ra khỏi đôi tay xương xẩu để chui vào chiếc hộp sắt dày giấy bạc. Tôi bỗng nghĩ đến cái nhóng đầu lên cao của những con rắn si mê tiếng kèn phù thủy Ấn độ, và lấy làm xấu hổ cho những sợi gân đang cố gắng cương trên tay mình. Tôi biết có cái gì không phải của tôi ở ngay trong thân thể tôi. Tôi cúi lên, toan điều động hai tay xuôi xuống, nhưng một câu nói của bà chủ đã nâng vọt hai tay tôi cao hơn lên với sự đồng tình rất bối rối của chính tôi.

— Đây, lương của chú đây !

Lương của tôi vào tay tôi, không phải những tờ giấy bạc, mà là ba tấm biên lai đã nhàu nát, mỗi tấm có ghi số tiền 400\$. Ba tấm giấy bé nhỏ ấy đã 25 lần được bà chủ trao cho tôi, và cũng đúng 25 lần tôi trao lại cho bà chủ, kể từ ngày đầu tháng đến giờ. Bao nhiêu là khó khăn giận dỗi và đau lòng cho cả đời bên qua

những động tác tầm thường đó.

Nếu tình trạng trao đi trao về như thế còn kéo dài, thì bà chủ còn khổ vì những nỗi sân hận, và tôi e chiếc hộp sắt cũng giảm tuổi thọ đi nhiều vì bà chủ đã đập vào nắp mạnh tay quá sau mỗi lần phải bỏ biên lai trở vào hộp.

Hôm nay bà chủ giải quyết như thế thật êm đẹp. Êm đẹp cho bà và cho cả chiếc hộp ; còn về phần tôi thì chả êm đẹp chút nào. Rồi vậy tôi không vội bỏ món tiền lương ấy vào túi, mình hơi ngại xuống, tôi toan phân trần với bà. Nhưng không còn kịp nữa ! Mọi cái gì trên khuôn mặt trắng phúc hậu kia đã cứng lại rồi. Nhìn vào đấy, tôi không tài nào liên tưởng tới cái bánh bèo được. Tôi chỉ có thể nghĩ đến đá thôi, « phân trần với đá thì thật là dại ! ». Lời tự nhủ ấy va vào những tấm vách trong lòng tôi. Chuỗi thanh âm dội lại kết thành một nỗi gì cơ hồ sự ân hận. Ờ, đáng lẽ tôi phải nghĩ tới thứ gì mềm hơn đá một chút. Dù sao khuôn mặt ấy cũng vốn là khuôn mặt đàn bà. Với đàn bà ta phải vừa thương vừa nể họ !

Tôi cúi chào bà chủ bằng tất cả cái vẻ lịch sự mà một người xấu xí như tôi có thể biểu lộ ra được, rồi quay ra cửa.

CHẮM, phết — chấm, phết — chấm, phết. Đó là hành khúc chính thức của tôi, cũng như mỗi quân đoàn có một khúc quân hành riêng vậy.

Hôm nay, tiếng « phết » kéo ra quá dài làm cho bản nhạc có âm điệu buồn chán, mệt mỏi. Tôi tính cứ mỗi tiếng « phết » như thế có thể làm hao tổn của tôi chừng năm đồng xu tiền mua dép cao su. Tôi muốn tiếng « phết » ngắn lại, nhưng ba tờ biên lai đã ngấm vào thân thể tôi một thứ chất độc làm cho tất cả các bắp thịt nhão nhề.

